

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST.  
Ngày 16-11-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ái Hòa;

Ông Nguyễn Quang Phước.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Phùng Văn T, sinh năm 1985; có mặt.

Cư trú tại: ấp X, xã A, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1976; có mặt.

Cư trú tại: khu phố P, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1954.

Cư trú tại: khu phố Y, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;

2/ Chị Đinh Thị K, sinh năm 1979.

Cư trú tại: phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bà R và chị K có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phùng Văn T trình bày:*

Vào ngày 10-11-2020, anh và anh H có làm Giấy nhận cọc bán đất, nội dung thể hiện việc anh có nhận chuyển nhượng của anh H quyền sử dụng đất diện tích 375,1 m<sup>2</sup> tại thửa số 525, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại khu phố Y, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, giá chuyển nhượng là 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng, thời hạn đặt cọc là 01 tháng 15 ngày và tiền cọc là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Giấy nhận cọc bán đất đề ngày 10-11-2020 này do anh nhờ chị Huỳnh Minh V viết, nhưng anh cùng anh H và người làm chứng là ông Trần Văn S có cùng ký tên, lăn tay vào Giấy nhận cọc bán đất này. Anh đã giao cho anh H 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng tiền cọc và thỏa thuận nếu anh H đổi ý không chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận thì phải bồi thường gấp hai số tiền mà anh đã đặt cọc.

Khi làm Giấy nhận cọc bán đất thì anh biết phần đất mà anh nhận chuyển nhượng là do chị Đinh Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì anh H có giao cho anh bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để anh đi tìm hiểu xem phần đất này có đang bị quy hoạch hay tranh chấp hay không. Việc anh biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị K đứng tên nhưng anh vẫn thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đặt cọc tiền chuyển nhượng cho anh H là vì anh H nói với anh rằng chị K là em vợ của anh H, chị K đã giao việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H. Trước khi đặt cọc thì anh H có đưa anh đến xem hiện trạng đất thì trên đất có một số cây ăn trái (mít, xoài), cây bạch đàn, không rõ số lượng cụ thể bao nhiêu cây và anh H nói với anh là chỉ chuyển nhượng đất mà không bán cây trồng trên đất nên anh có nói với anh H tùy ý đối với cây trồng trên đất.

Sau khi đặt cọc, khoảng 01 tuần sau thì anh H đến gặp anh và yêu cầu anh giao thêm 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền cọc để anh H đi gia hạn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc này anh H cho rằng giá chuyển nhượng thỏa thuận là 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng/m ngang, tổng cộng là 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu) đồng và anh H không đồng ý chuyển nhượng đất với giá 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng như nội dung Giấy nhận cọc bán đất đề ngày 10-11-2020. Do đó, anh không đồng ý tiếp tục nhận chuyển nhượng theo giá 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu) đồng, anh yêu cầu anh H trả lại tiền cọc cho anh nhưng anh H không đồng ý nên anh đã khởi kiện anh H tại Tòa án.

Nay anh yêu cầu anh H trả cho anh số tiền đặt cọc là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và tiền phạt cọc là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, tổng cộng là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Minh H trình bày:*

Vào ngày 10-11-2020, anh có làm môi giới để giúp bà Nguyễn Thị R chuyển nhượng cho anh T quyền sử dụng đất diện tích ngang khoảng 10 m x dài khoảng 37 m, đất tọa lạc tại khu phố Y, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Phần đất này do con gái của bà R là chị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà R nhờ anh tìm người nhận chuyển nhượng. Việc bà R nhờ anh tìm người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm giấy tờ gì.

Anh và anh T thỏa thuận giá chuyển nhượng là 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng/m ngang, tổng cộng là 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu) đồng. Việc chuyển nhượng không làm hợp đồng chuyển nhượng, nhưng có làm Giấy nhận cọc bán đất đề ngày 10-11-2020. Anh thừa nhận có ký tên và lăn tay vào Giấy nhận cọc bán đất đề ngày 10-11-2020, tuy nhiên, khi ký tên thì anh không đọc kỹ nội dung do anh không giỏi đọc chữ nên không biết Giấy nhận cọc bán đất đã ghi nhầm lẫn về giá chuyển nhượng. Sau khi ký Giấy nhận cọc bán đất thì anh T đã giao cho anh 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng tiền cọc. Sau khi nhận tiền cọc của anh T thì anh đã giao lại số tiền cọc 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng cho bà R vào cùng ngày 10-11-2020, việc giao lại tiền cọc cho bà R có làm giấy viết tay ghi Giấy chõng cọc đề ngày 10-11-2020.

Sau đó, khi anh đến gặp anh T yêu cầu giao thêm 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền cọc thì anh T nói với anh giá chuyển nhượng phần đất này là 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng, không phải 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu) đồng nên anh T không đồng ý tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu anh trả lại tiền cọc cho anh T. Tuy nhiên, do anh đã giao tiền cọc lại cho bà R và bà R không đồng ý trả lại tiền cọc vì khi anh T đến xem hiện trạng đất thì anh T yêu cầu phải chặt bỏ, di dời các cây trồng trên đất để tiến hành đo đạc đất để làm thủ tục chuyển nhượng.

Nay anh không đồng ý trả tiền cọc và phạt cọc theo yêu cầu của anh T vì anh chỉ nhận cọc thay cho bà R, anh đã giao lại cho bà R số tiền cọc 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng này.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*+ Bà Nguyễn Thị R trình bày:* Vào ngày 10-11-2020, anh H có giao cho bà số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng là tiền cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh T. Phần đất mà anh H thỏa thuận chuyển nhượng cho anh T là do con gái của bà là chị Đinh Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chị K có nhờ bà chuyển nhượng phần đất này cho chị K. Do đó, bà có nhờ anh H

tìm người nhận chuyển nhượng phần đất này. Việc chị K nhờ bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất và việc bà nhờ anh H tìm người chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản.

Sau khi anh H nhận tiền cọc và giao lại cho bà thì bà có thông báo cho chị K biết, giá chuyển nhượng là 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng/m ngang, tổng cộng là 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu) đồng. Sau khi nhận tiền cọc thì anh T có yêu cầu bà phải phá bỏ các cây trồng trên đất bao gồm cây mít, cây dừa, cây trầm vàng và tre tàu. Nay bà không đồng ý trả lại tiền cọc và bồi thường phạt cọc cho anh T vì anh T là người không muốn tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đồng thời, sau khi nhận tiền cọc thì anh T yêu cầu bà chặt bỏ tất cả cây trồng trên đất để tiến hành đo đạc. Bà không yêu cầu anh T bồi thường giá trị cây trồng trên đất trong vụ án này.

+ *Chị Đinh Thị K trình bày:* Chị là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 375,1 m<sup>2</sup> tại thửa số 525, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại khu phố Y, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do hiện tại chị đang cư trú tại tỉnh Bình Dương nên vào khoảng cuối năm 2020, chị có nhờ mẹ chị là bà Nguyễn Thị R tìm người chuyển nhượng quyền sử dụng đất này. Sau đó, chị có nghe bà R thông báo rằng bà R đã nhờ anh H tìm giúp người mua đất và anh H có giao cho bà R số tiền đặt cọc chuyển nhượng là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng của người mua đất là anh T. Sau khi anh T đặt cọc tiền chuyển nhượng đất thì anh T yêu cầu bà R phải chặt bỏ các cây trồng trên đất để tiến hành đo đạc đất nên bà R đã chặt phá hết các cây trồng trên đất.

Nay chị không đồng ý trả tiền cọc và phạt cọc theo yêu cầu của anh T vì sau khi anh T đặt cọc tiền chuyển nhượng đất thì anh T yêu cầu bà R phải chặt bỏ các cây trồng trên đất để tiến hành đo đạc đất nên bà R đã chặt phá hết các cây trồng trên đất. Chị không có ý kiến và yêu cầu gì khác trong vụ án này.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 167 của Luật đất đai; các điều 117, 122, 328 của Bộ luật Dân sự xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn T đối với anh Nguyễn Minh H về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Hợp đồng đặt cọc ngày 10-11-2020 giữa anh T và anh H là vô hiệu. Xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị R và chị Đinh Thị K cùng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Anh Phùng Văn T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Minh H trả cho anh T số tiền đặt cọc là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và tiền phạt cọc là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, tổng cộng là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo nội dung thỏa thuận tại “Giấy nhận cọc bán đất” đề ngày 10-11-2020. Do đó, có căn cứ xác định đây là tranh chấp hợp đồng đặt cọc theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét Giấy nhận cọc bán đất: Giấy nhận cọc bán đất đề ngày 10-11-2020 được viết tay, không công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền nhưng có chữ ký và dấu vân tay của anh T, anh H và người làm chứng là ông Trần Văn S. Việc giao kết hợp đồng đặt cọc là tự nguyện, không bị ép buộc và đảm bảo về mặt hình thức. Về nội dung Giấy nhận cọc thể hiện anh T có nhận chuyển nhượng của anh H quyền sử dụng phần đất diện tích 375,1 m<sup>2</sup> tại thửa số 525, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại khu phố Y, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, giá chuyển nhượng thể hiện trong nội dung Giấy nhận cọc là 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng. Số tiền anh T đặt cọc cho anh H là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Anh H thừa nhận có ký tên, lăn tay vào Giấy nhận cọc bán đất đề ngày 10-11-2020, tuy nhiên, sau khi nhận tiền cọc từ anh T thì anh H cho rằng giá chuyển nhượng là 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng/m, tổng cộng là 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu) đồng. Do không thống nhất về giá chuyển nhượng nên anh T khởi kiện, yêu cầu anh H trả lại tiền cọc và tiền phạt cọc.

[4] Xét về nội dung của hợp đồng đặt cọc: Giấy nhận cọc bán đất đề ngày 10-11-2020 được anh T và anh H lập để đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 375,1 m<sup>2</sup> tại thửa số 525, tờ bản đồ số 08. Tuy nhiên, thực tế phần đất này hiện do chị Đinh Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 962868 ngày 16-11-2009. Tại thời điểm ký kết Giấy nhận cọc bán đất và thỏa thuận việc chuyển nhượng đất, anh H không phải là chủ sở hữu hợp pháp của phần đất này và anh H cũng không có bất kỳ văn bản ủy quyền nào chứng minh

rằng mình được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất này. Việc anh H không có những quyền của người sử dụng đất đối với diện tích đất chuyển nhượng nhưng lại ký “Giấy nhận cọc bán đất” với anh T nhằm mục đích đảm bảo giao kết hợp đồng chuyển nhượng là trái quy định pháp luật, không hội đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 167 của Luật Đất đai. Do đó, có căn cứ xác định hợp đồng đặt cọc theo “Giấy nhận cọc bán đất” đề ngày 10-11-2020 giữa anh T và anh H là vô hiệu, yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn T đối với anh Nguyễn Minh H về việc trả lại số tiền cọc 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét về lỗi làm cho giao dịch đặt cọc vô hiệu và yêu cầu phạt cọc của nguyên đơn: Khi thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ký kết hợp đồng đặt cọc với anh H thì anh T biết rõ anh H không phải là chủ sử dụng hợp pháp đối với phần đất này nhưng anh T vẫn ký kết Giấy nhận cọc bán đất với anh H. Bên cạnh đó, do các bên không thống nhất về giá chuyển nhượng nên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Như vậy, anh H không phải là chủ sở hữu hợp pháp của phần đất chuyển nhượng nhưng lại đứng ra nhận tiền cọc và thỏa thuận việc chuyển nhượng với anh T. Anh T biết rõ về việc phần đất nhận chuyển nhượng không do anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn tiến hành giao dịch đặt cọc nên có căn cứ xác định lỗi làm cho giao dịch đặt cọc vô hiệu là của cả hai bên và ngang nhau nên không phát sinh việc phạt cọc. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phạt cọc số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng của anh T đối với anh H.

[6] Đối với việc anh H đã giao lại cho bà R số tiền đặt cọc đã nhận của anh T là 15.000.000 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không yêu cầu bà R trả lại số tiền này cho anh H trong vụ án này nên cần ghi nhận. Ghi nhận bà R, chị K không yêu cầu anh T bồi thường về giá trị các cây trồng trên đất trong vụ án này.

[7] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho anh Phùng Văn T là: 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Anh Phùng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phạt cọc không được Tòa án chấp nhận là: 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 167 của Luật Đất đai; Điều 117, Điều 122, Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn T về tranh chấp hợp đồng đặt cọc đối với anh Nguyễn Minh H.

2. Tuyên bố “Giấy nhận cọc bán đất” đề ngày 10-11-2020 giữa anh Phùng Văn T và anh Nguyễn Minh H vô hiệu.

Buộc anh Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả cho anh Phùng Văn T số tiền đặt cọc là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3. Không chấp nhận yêu cầu phạt cọc 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng của anh Phùng Văn T đối với anh Nguyễn Minh H.

4. Án phí: Anh Nguyễn Minh H phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phùng Văn T phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014886 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Anh T, anh H có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà R, chị K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Minh Thư**